TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Ông Võ Tấn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Hiếu M, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 204A, đường Huỳnh Văn Đ, phường 3, thành phố T, tỉnh L (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị Kim D, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Số 142/7, ấp 7, xã Ph, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-3-2022 và ngày 07-3-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hiếu M là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 23/7/2020 (dương lịch) ông có cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 27/7/2020 (dương lịch) trả, mục đích vay để bà D canh tác thanh long, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng.

Đến ngày 03/8/2020 (dương lịch) ông tiếp tục cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 08/8/2020 (dương lịch) trả, mục đích vay để bà D canh tác thanh long, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng.

Như vậy, bà D đã vay của ông 02 lần tổng cộng là 100.000.000 đồng, quá trình vay bà D có trả cho ông được một tháng tiền lãi của hai khoản vay là 5.000.000 đồng. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà D không trả tiền vốn vay theo thỏa thuận, vì vậy ông yêu cầu bà D trả cho ông số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng theo hai giấy nợ bà D đã ký kết, ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Trương Thị Kim D là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng, bị đơn chậm thanh toán thì phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hiếu M có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trương Thị Kim D, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trương Thị Kim D cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Trương Thị Kim D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Hiếu M yêu cầu bà Trương Thị Kim D trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được hai giấy nợ có nội dung: "*…hôm nay ngày…tôi là Trương Thị Kim D có mượn của ông Trần Hiếu M số tiền…*" có chữ ký tên và chữ viết họ tên Trương Thị Kim D.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập bà D tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng bà D đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc bà D đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng theo hai giấy nợ đã cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc bà D trả cho ông M số tiền vốn vay 100.000.000 đồng. Bà D còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hiếu M được chấp nhận nên bà Trương Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng). Ông Trần Hiếu M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Trần Hiếu M đối với bà Trương Thị Kim D.

Buộc bà Trương Thị Kim D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hiếu M số tiền vốn vay là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.000.000 (*năm triệu*) đồng.

Ông Trần Hiếu M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.935.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007829 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy